

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 91/TTr-SNNMT ngày 03/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết thủ tục hành chính để niêm yết, công khai thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

2. Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính hoặc các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

1. Nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 4 mục A Phần 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 0154/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2 mục B Phần 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 0146/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 3 mục B Phần 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

4. Nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, 4, 5, 8, 9, 13, 15, 17, 20 mục A, số thứ tự 8 mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *wh*

Nơi nhận: *ml*

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Văn);
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c Khánh);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Viễn thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- Các Phòng, TT: NNMT, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, PVHCC (H.02b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
01	5.003115	Điều chỉnh khu rừng đặc dụng	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
02	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
03	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng thuộc địa phương quản lý	tỉnh		gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích		định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
04	5.003116	Điều chỉnh khu rừng phòng hộ	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
05	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
06	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/.	Không	- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích		
07	1.014839	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ¹		20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

¹ Thủ tục hành chính này đã được công bố tại Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; bị bãi bỏ tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
08	5.000977	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
09	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<i>các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng);</i> - 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng).	gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích		định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
10	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ ;	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				quản hoặc Bộ Quốc phòng); - 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng).	- Qua dịch vụ bưu chính công ích		và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
11	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức		08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					chính công ích		227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
12	1.012690	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý		15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
13	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích		42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
14	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		- Trường hợp không có thông tin vi phạm: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
16	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
B Thủ tục hành chính cấp xã							
01	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
02		Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ²		20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ:	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

² Thủ tục hành chính này đã được công bố tại Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; bị bãi bỏ tại Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích		số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.
03	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
04	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.